

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương
2. Bà Đoàn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 80/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2023, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2023, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 14/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 03/2025/TB-TA ngày 17 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số A phường A, tỉnh Vĩnh Long (trước sáp nhập thuộc Ấp C, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre).

Địa chỉ liên hệ: Số A đường số C, khu dân cư S, khu phố T, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn P, xã A (trước sáp nhập thuộc thôn P, xã A, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa: Ông T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2021, bản tự khai ngày 09/5/2022, ngày 08/02/2023 nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị T1 có tình cảm, yêu thương, tự nguyện đến với nhau có đăng kết hôn vào ngày 08/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cự cãi, vợ chồng cũng đã cố gắng duy trì mối quan hệ vợ chồng để hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được và mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Đỗ Thị T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ngọc T2, sinh ngày 03/8/2010, hiện nay đang sống cùng với bà T1. Khi ly hôn, ông T yêu cầu giao cháu T2 cho bà T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung không có, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc làm ăn nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông tại các buổi làm việc, phiên họp phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ông T yêu cầu được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa ông với bà T1.

Bị đơn bà Đỗ Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn T tự nguyện đến với nhau và đăng kết hôn vào ngày 08/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu mới kết hôn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nên phân ai nấy sống, từ năm 2010 bà bỏ về Quảng Ngãi sinh sống đến nay. Nay ông T có đơn yêu cầu ly hôn, bà T1 đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ngọc T2, sinh ngày 03/8/2010, hiện nay đang sống cùng với bà T1. Khi ly hôn, bà T1 yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2, bà T1 không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con.

Về nợ chung không có, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi tại phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T1; giao cháu Trần Ngọc T2, sinh ngày 03/8/2010 cho bà Đỗ Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Văn T không cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không có ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Tuyết . Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Đỗ Thị T1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T1.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Thị T1 xác định sau khi bà rời tỉnh Bến Tre về tỉnh Quảng Ngãi sinh sống thì bà có kết hôn với ông Dương Thanh L và có 02 con chung. Nhận thấy hành vi của bà Đỗ Thị T1 và ông Dương Thanh L có dấu hiệu cấu thành tội “*Vi phạm chế độ một vợ, một chồng*” theo quy định tại Điều 182 Bộ luật Hình sự. Tại Văn bản số 581/TA-DS ngày 30/9/2023, Hội đồng xét xử quyết định chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q để điều tra làm rõ theo thẩm quyền. Tại Văn bản số 972/CV-ĐTTH ngày 23/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q chuyển trả hồ sơ và không thụ lý vụ việc.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 08/7/2009 nên hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ông T cho rằng trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cự cãi, vợ chồng cũng đã cố gắng duy trì mối quan hệ vợ chồng để hàn gắn tình

cảm nhưng không đạt được và mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T1. Bà T1 xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu mới kết hôn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nên phân ai nấy sống, từ năm 2010 bà bỏ về Quảng Ngãi sinh sống đến nay. Nay, ông T có đơn yêu cầu ly hôn, bà T1 đồng ý ly hôn với ông T. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị Tuyết .

[2.2] Về con chung: Ông T và bà T1 có 01 con chung là cháu Trần Ngọc T2, sinh ngày 03/8/2010 hiện nay đang sống cùng với bà T1; khi ly hôn ông T và bà T1 thống nhất giao cháu T2 cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà T1 về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Bà T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà T1 xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông T phải chịu án phí thuận tình ly hôn 75.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000350 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, hoàn trả cho ông T 225.000 đồng (*hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Bà T1 phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí thuận tình ly hôn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi tại phiên tòa đúng quy định pháp luật được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị Tuyết .

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc T2, sinh ngày 03/8/2010 cho bà Đỗ Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 và ông T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn T phải chịu án phí thuận tình ly hôn 75.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000350 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, hoàn trả cho ông T 225.000 đồng (*hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Bà Đỗ Thị T1 phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí thuận tình ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Quyên

